

Số: 2620/GPMT-UBND

Khánh Hòa, ngày ...20... tháng ...9... năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;
Xét đề nghị của Công ty TNHH Long Sinh tại Văn bản số 16/LS ngày 24 tháng 8 năm 2022 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của “Nhà máy sản xuất các sản phẩm dùng cho chăn nuôi, nông ngư nghiệp – Công suất 12.705 tấn/năm” và hồ sơ kèm theo;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 355/TTr-STNMT-CCBVMT ngày ...11... tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Long Sinh, địa chỉ tại Lô B5 – B6 Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất các sản phẩm dùng cho chăn nuôi, nông ngư nghiệp – Công suất 12.705 tấn/năm” tại Lô B5 – B6 Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Nhà máy sản xuất các sản phẩm dùng cho chăn nuôi, nông ngư nghiệp – Công suất 12.705 tấn/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B5 – B6 Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.



1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 4200286988 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 29/08/1997, cấp điều chỉnh lần thứ 19 ngày 03/01/2019.

1.4. Mã số thuế: 4200286988.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm dùng cho chăn nuôi, nông ngư nghiệp...

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Quy mô của cơ sở: cơ sở có tiêu chí tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

Công suất dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2262757057 do Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa chứng nhận lần đầu ngày 28/8/2003, chứng nhận thay đổi lần thứ 9 ngày 26/08/2019 cụ thể như sau:

- Nguyên liệu chất bổ sung, chất phụ gia dùng cho thức ăn chăn nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản): 200 tấn/năm

- Chất xử lý, cải tạo ao chuồng, thuốc thú y thủy sản: 2.500 tấn/năm

- Nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi (thủy sản, gia súc, gia cầm), phân bón:

+ Bột cá, dầu cá, bột mực, bột tôm, bột ruốc: 7.000 tấn/năm

+ Chitosan, rong biển: 4,2 tấn/năm

- Thuốc bảo vệ thực vật: 2.000 tấn/năm

- Phân bón vô cơ, phân bón hữu cơ, phân bón sinh học, phân bón vi sinh vật: 1.000 tấn/năm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Long Sinh được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Long Sinh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, UBND huyện Cam Lâm nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

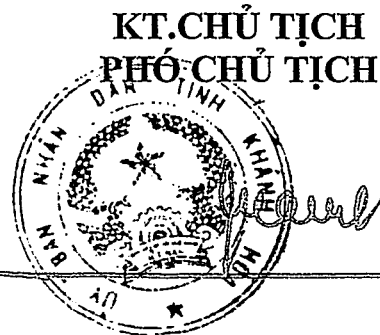
Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 2318/STNMT-CCBVMT ngày 25/9/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận (VBĐT):

- Công ty TNHH Long Sinh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL KKT Vân Phong;
- UBND huyện Cam Lâm;
- UBND xã Suối Tân;
- Công Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP+T.L.



Nguyễn Anh Tuấn



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2.620./GPMT-UBND ngày 20 tháng 9....
năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt
- Nguồn số 02: Nước thải quá trình xử lý khí thải lò hơi
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Trạm xử lý nước tập trung của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại hồ ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải tập trung của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Suối Dầu.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°): X = 1343975, Y = 0588982

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: **150 m³/ngày đêm.**

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24h/ngày đêm).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn đầu nối theo hợp đồng dịch vụ thoát nước thải với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Suối Dầu, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5 – 9	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.
2	COD	mg/L	600	
3	Tổng N	mg/L	80	
4	Tổng P	mg/L	20	
5	Coliform	MPN/100mL	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh của của cán bộ nhân viên nhà máy được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước thải sau khi lắng tại bể tự hoại sẽ được ngăn tự thấm.

- Nước thải từ hoạt động sản xuất được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải nội bộ có của nhà máy công suất xử lý 150 m³/ngày.đêm. Sau khi xử lý cục bộ đạt quy chuẩn đầu nổi của khu công nghiệp Suối Dầu (theo hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 10/2013/HĐXLNT-KCNSD, nước thải được xả ra hệ thống cống thoát nước chung của khu công nghiệp Suối Dầu.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ thu + Khay lọc rác → Bể điều hoà → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Hồ ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Suối Dầu.

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC (25kg/tháng), Nước Javen (30lít/tháng).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Khi công trình hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố ngừng hoạt động sẽ nhanh chóng khắc phục ngay, các bể xử lý tại các công đoạn đều được tính toán dự phòng. Do vậy khi hệ thống gặp sự cố nước thải được chứa tạm thời tại các bể xử lý. Khi khắc phục xong sẽ bơm ngược lại để xử lý đạt Quy chuẩn trước khi đầu nối ra hệ thống thoát nước chung.

Tuyên nhân viên có kinh nghiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra.

Thường xuyên kiểm tra các thiết bị và vận hành hệ thống đúng quy trình.

Khi hệ thống xử lý nước thải có sự cố, lãnh đạo công ty sẽ nhanh chóng chỉ đạo để tìm ra nguyên nhân, khắc phục sự cố kịp thời.

Định kỳ bảo dưỡng các dây chuyền xử lý và dự trữ sẵn các thiết bị thay thế cho các dây chuyền xử lý để nhanh chóng khôi phục hoạt động của chúng.

Trường hợp mất điện lưới: Khi điện lưới mất, lập tức máy phát điện dự phòng phục vụ quá trình xử lý sẽ vận hành bình thường.

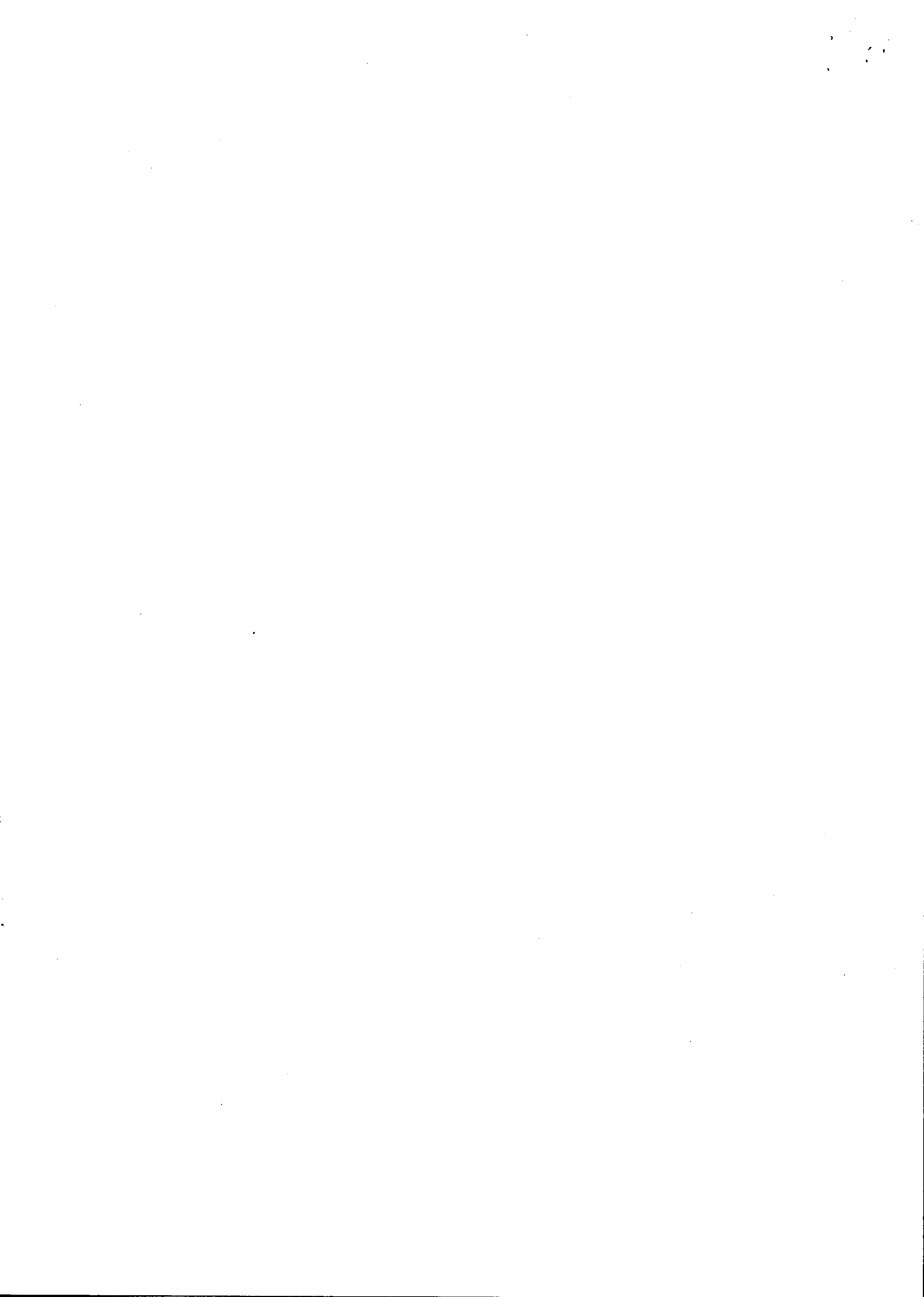
Sử dụng 02 máy bơm (01 hoạt động + 01 dự phòng) để đề phòng trường hợp máy bơm bị hư hỏng.

Trong trường hợp không thể sửa chữa sớm các hư hỏng xảy ra tại trạm xử lý nước thải, thông báo cho các cơ quan chức năng để được hướng dẫn phương án xử lý.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.



Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 2.622.0./GPMT-UBND ngày 20 tháng 09 năm
2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải**

+ Nguồn số 01: Khí thải thoát qua ống khói lò hơi số 1 công suất 8 tấn hơi/giờ

+ Nguồn số 02: Khí thải từ các lò hấp, lò sấy của quy trình sản xuất bột cá

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải số 01

Dòng khí thải thoát qua ống khói lò hơi số 1 công suất 8 tấn hơi/giờ (2 lò hơi hoạt động luân phiên)

2.1. Vị trí xả khí thải: Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°): X = 1343908, Y = 0589018

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 21.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải QCVN 19:2009/BTNMT cột B (K_p = 1; K_v = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	SO ₂	mg/Nm ³	500	
3	NO _x	mg/Nm ³	850	
4	CO	mg/Nm ³	1.000	
5	Lưu lượng	m ³ /h	-	

3. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải số 02

3.1. Vị trí xả khí thải: Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°): X = 1343945, Y = 0589018

3.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 6.600 m³/giờ.

3.2.1. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn

3.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải QCVN 19:2009/BTNMT cột B (Kp = 1; Kv = 1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	NH ₃	mg/Nm ³	50	Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	
3	Lưu lượng	m ³ /h	-	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Lò hơi công suất thiết kế 8 tấn hơi/giờ.

+ Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất: 21.000 m³/h.

+ Các công nghệ xử lý khí thải chính:

- Hệ thống thổi gió nóng cấp hai (qua bộ sấy không khí) để đốt cháy lại CO.
- Cyclon lọc bụi.
- Béc phun

- Khí thải từ các lò hấp, lò sấy của quy trình sản xuất bột cá

- Hệ thống 03 đường ống thu gom khí thải được làm bằng inox:

- Đường ống thu gom khí thải thứ 1: Trồng sấy (số 2), thu gom khí từ máy Hấp, máy Ép, Ht keo tụ dịch đậm.
- Đường ống thu gom khí thải thứ 2: thu gom khí từ 01 trồng sấy (số 1) công suất 80 tấn nguyên liệu.
- Đường ống thu gom khí thải thứ 3: thu gom khí từ 01 trồng sấy (số 3) công suất 80 tấn nguyên liệu.

- Mùi hôi từ các bồn sấy cá sử dụng tháp xử lý kết hợp giữa hấp thụ khí thải bằng dung dịch kiềm loãng và hấp thụ bằng than hoạt tính.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Đối với khí thải lò hơi:

Khí thải lò hơi → Cyclone lọc bụi → Béc phun nước → Ống khói cao 15 m.

- Công suất thiết kế: Lò hơi công suất thiết kế 8 tấn hơi/giờ.

- Vật liệu sử dụng: Củ ép, củ vụn.

Đối với khí thải lò sấy:

Khí thải lò sấy → Tháp hấp thụ → Ngăn khử mùi → Ngăn hấp phụ than hoạt tính → Ống khói cao 15 m.

- Công suất thiết kế: Hệ thống xử lý khí thải có công suất 6.600 m³/h. Sử dụng phương pháp hấp thụ.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 và 3.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng lò hơi đầy đủ, thường xuyên.

10

10

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2.620/GPMT-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Bóng đèn huỳnh quang hỏng (16 01 06), dầu nhớt thải (17 02 03) và giẻ lau dính dầu (18 02 01). Khối lượng khoảng 120 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Bao bì carton thuốc BTTV, phế phẩm (nước nhiễm dầu mỡ), xỉ than từ lò hơi, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải. Khối lượng phát sinh khoảng 1.600 kg/quý.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 80 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 8 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Có mái che, có thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Từng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường được lưu chứa trong thùng riêng biệt bằng nhựa cứng, có nắp đậy kín.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà: Phía Đông Bắc dự án, gần xưởng lò hơi.

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Có mái che kín; có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa rác có nắp đậy riêng biệt tại các khu vực văn phòng làm việc và khu nhà phục vụ công nhân.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Các thùng chứa rác lớn bằng nhựa cứng có nắp đậy đặt tại khu vực lưu chứa rác.

Chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại sau khi lưu giữ phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý (UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, UBND huyện Cam Lâm) trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG: Không.